

Số: 24/2022/QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 21 tháng 7 năm 2022



**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định mức tiền thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên tỉnh Tây Ninh đạt thành tích tại các giải thi đấu thể thao cấp quốc gia và cấp tỉnh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019*

*Căn cứ Luật Thể dục thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 07/TTr-SVHTTDL ngày 28 tháng 01 năm 2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định mức tiền thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên tỉnh Tây Ninh đạt thành tích tại các giải thi đấu thể thao cấp quốc gia và cấp tỉnh.

**Điều 2.** Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với các sở, ngành liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này trên địa bàn tỉnh.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 31/7/2022, bãi bỏ Quyết định số 83/2008/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trên địa bàn tỉnh Tây Ninh và Quyết định số 09/2020/QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bãi bỏ mục I, II Điều 1 Quyết định số 83/2008/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh,

Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

*Nơi nhận*

- Văn phòng Chính phủ;
  - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
  - Vụ Pháp chế - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
  - Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
  - TT: TU, HĐND tỉnh;
  - Đoàn ĐBQH tỉnh;
  - UBMTTQVN tỉnh;
  - CT, các PCT.UBND tỉnh;
  - Như Điều 4;
  - Sở Tư pháp;
  - LDVP;
  - Phòng KGVX;
  - Trung tâm Công báo - Tin học;
  - Lưu: VT.VPUBND tỉnh.
- 12.L.ộc...tq..b

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Đức Trọng

**QUY ĐỊNH**  
**Mức tiền thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên tỉnh Tây Ninh**  
**đạt thành tích tại các giải thi đấu thể thao cấp quốc gia và cấp tỉnh**  
(Kèm theo Quyết định số 24/2022/QĐ-UBND,  
ngày 21 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định mức tiền thưởng theo thành tích thi đấu đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao đạt thành tích tại các giải thi đấu cấp quốc gia và cấp tỉnh.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Huấn luyện viên, vận động viên là công dân Việt Nam được triệu tập theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền của tỉnh Tây Ninh và thi đấu đạt thành tích tại các giải thể thao cấp quốc gia và cấp tỉnh.

2. Cơ quan quản lý huấn luyện viên, vận động viên (là cơ quan, tổ chức trực tiếp sử dụng huấn luyện viên, vận động viên làm việc hoặc luyện tập, thi đấu thường xuyên trước khi được triệu tập tập huấn, thi đấu).

3. Cơ quan sử dụng huấn luyện viên, vận động viên (là cơ quan, tổ chức trực tiếp sử dụng huấn luyện viên, vận động viên sau khi được triệu tập tập huấn, thi đấu). Cơ quan quản lý huấn luyện viên, vận động viên có thể đồng thời là cơ quan sử dụng huấn luyện viên, vận động viên.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện các quy định tại Quyết định này.

**Chương II**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

**Điều 3. Mức tiền thưởng đối với các giải thi đấu thể thao cấp Quốc gia**

1. Vận động viên đạt thành tích tại Đại hội Thể thao toàn quốc (04 năm tổ chức 1 lần), mức thưởng được quy định cụ thể như sau:

- a) Huy chương Vàng: 30.000.000 đồng
- b) Huy chương Bạc: 15.000.000 đồng
- c) Huy chương Đồng: 10.000.000 đồng
- d) Phá kỷ lục quốc gia (thưởng thêm): 10.000.000 đồng

2. Vận động viên đạt thành tích tại Giải vô địch quốc gia, mức thưởng được quy định cụ thể như sau:

- a) Huy chương Vàng: 25.000.000 đồng
- b) Huy chương Bạc: 12.500.000 đồng
- c) Huy chương Đồng: 8.300.000 đồng
- d) Phá kỷ lục quốc gia (thưởng thêm): 8.300.000 đồng



3. Vận động viên đạt thành tích tại Giải vô địch các Câu lạc bộ, Câu lạc bộ mạnh toàn quốc mức thưởng được quy định cụ thể như sau:

- a) Huy chương Vàng: 12.500.000 đồng
- b) Huy chương Bạc: 6.250.000 đồng
- c) Huy chương Đồng: 4.150.000 đồng

4. Vận động viên lập thành tích tại: Giải trẻ cấp quốc gia (Giải vô địch trẻ; Giải các nhóm, lứa tuổi; Giải Thiếu niên, Nhi đồng; Giải năng khiếu toàn quốc) mức thưởng bằng 50% tại Khoản 2 Điều này.

5. Đối với môn thể thao tập thể, mức thưởng bằng số lượng người được thưởng theo quy định của điều lệ giải nhân (x) với mức thưởng tương ứng quy định tại các Khoản 1,2,3,4 Điều này.

6. Đối với các môn thể thao có nội dung thi đấu đồng đội (mà thành tích của từng cá nhân và đồng đội được xác định trong một lần thi) ngoài tiền thưởng cá nhân, mức thưởng chung cho cả đội bằng số lượng vận động viên theo quy định của điều lệ giải nhân với 50% mức thưởng cá nhân tương ứng tại Khoản 1,2,3 Điều này.

7. Nguyên tắc chi tiền thưởng đối với huấn luyện viên

a) Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích trong các giải thi đấu thể thao có nội dung thi đấu cá nhân, đồng đội thì được hưởng mức thưởng chung bằng mức thưởng đối với vận động viên.

b) Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo đội tuyển thi đấu lập thành tích trong các giải thi đấu thể thao các môn hoặc nội dung thi đấu tập thể thì được hưởng mức thưởng chung bằng mức thưởng đối với vận động viên đạt giải nhân với số lượng huấn luyện viên, theo quy định như sau: dưới 04 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 01 huấn luyện viên; từ 04 đến 08 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 02 huấn luyện viên; từ 09 đến 12 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 03 huấn luyện viên; từ 13 đến 15 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 04 huấn luyện viên; trên 15 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 05 huấn luyện viên.

c) Tỷ lệ phân chia tiền thưởng đối với các huấn luyện viên được thực hiện theo nguyên tắc: Huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện đội tuyển được hưởng 60%, huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên ở cơ sở trước khi tham gia đội tuyển được hưởng 40%.

8. Huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải thể thao dành cho người khuyết tật được hưởng bằng với mức thưởng tương ứng 200% quy định tại Điều này.

#### **Điều 4. Mức tiền thưởng đối với các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh**

1. Vận động viên đạt thành tích tại Giải vô địch tỉnh, Giải Cúp các Câu lạc bộ tỉnh (đối với giải không phân chia nhóm/lứa tuổi) và Đại hội Thể dục thể thao tỉnh, mức thưởng được quy định như sau:

a) Đối với môn cá nhân: (Cầu lông, Bóng bàn, Quần vợt, Điền kinh, Việt dã, Leo núi, Xe đạp, Bơi, Lặn, Võ thuật, Billiards, Cờ vua, Cờ tướng, Đẩy gậy...)

Huy chương Vàng: 1.500.000 đồng

Huy chương Bạc: 800.000 đồng

Huy chương đồng: 500.000 đồng

Khuyến khích: 300.000 đồng (không quá 07 giải)

b) Đối với môn tập thể Bóng đá:

Mức thưởng bằng số lượng người được thưởng theo quy định của điều lệ giải nhân (x) với mức thưởng tương ứng quy định tại điểm a, Khoản 1, Điều này.

Cầu thủ ghi nhiều bàn thắng nhất: 1.500.000 đồng

Cầu thủ xuất sắc: 1.500.000 đồng

Thủ môn xuất sắc: 1.500.000 đồng

c) Đối với môn tập thể khác (Bóng chuyền, Thể dục Dưỡng Sinh, đua thuyền, kéo co): Mức thưởng bằng số lượng người được thưởng theo quy định của điều lệ giải nhân (x) với mức thưởng tương ứng quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này.

d) Đối với các môn thể thao có nội dung thi đấu đồng đội (mà thành tích của từng cá nhân và đồng đội được xác định trong một lần thi) ngoài tiền thưởng cá nhân, mức thưởng chung cho cả đội bằng số lượng vận động viên theo quy định của điều lệ giải nhân với 50% mức thưởng cá nhân tương ứng tại điểm a Khoản 1 Điều này.

2. Vận động viên lập thành tích tại các Giải trẻ cấp tỉnh (Giải vô địch trẻ, Giải các nhóm/ lứa tuổi, Giải Thiểu niên - Nhi đồng, Giải năng khiếu tỉnh) và Giải cúp các Câu lạc bộ tỉnh (đối với giải có phân chia nhóm/lứa tuổi) được thưởng mức thưởng bằng 50% các môn quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Vận động viên khuyết tật đạt thành tích tại các cuộc thi đấu cấp tỉnh, mức thưởng tương ứng bằng 200% quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này.

4. Các vận động viên được hưởng tiền thưởng theo quy định đối với tất cả huy chương đạt được.

5. Đối với Giải thưởng toàn đoàn của giải thể thao cấp tỉnh dành cho giải thi đấu được tổ chức từ 5 nội dung trở lên theo Điều lệ giải, mức thưởng cụ thể:

a) Giải nhất: 6.000.000 đồng

b) Giải nhì: 3.000.000 đồng

c) Giải ba: 2.000.000 đồng

### **CHƯƠNG III**

#### **TRÁCH NHIỆM VÀ NGUỒN KINH PHÍ**

##### **Điều 5. Trách nhiệm Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm chi tiền thưởng cho các huấn luyện viên, vận động viên của tỉnh đạt thành tích tại các giải thể thao cấp quốc gia và cấp tỉnh.

##### **Điều 6. Nguồn kinh phí chi trả và việc quản lý, sử dụng**

1. Nguồn kinh phí thực hiện chi tiền thưởng cho các huấn luyện viên, vận động viên được trích từ nguồn kinh phí sự nghiệp thể dục thể thao được giao hàng năm cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Công tác xây dựng, chấp hành dự toán, báo cáo quyết toán kinh phí thực hiện chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thực hiện theo các quy định hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành luật. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các sở, ban, ngành có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách tỉnh cấp đúng chế độ, đúng đối tượng, đảm bảo hiệu quả./.